

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 83/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 655/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 734/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Số 8/14/125 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thế A; nơi cư trú: Số 8/14/125 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 4 năm 2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Thế A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường An Biên, quận Lê Chân,

thành phố Hải Phòng vào ngày 06/5/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường thời gian đầu. Đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống trong cách nuôi dạy con chung và cách ứng xử với những người thân trong gia đình. Ngoài ra, một phần nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm. Mâu thuẫn đã được gia đình và bạn bè động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Nhật B, sinh ngày 23/6/2010 và Bùi Trường C, sinh ngày 28/9/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Bùi Thế A vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, song anh Bùi Thế A không đến Tòa án theo giấy triệu tập; thông báo hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Vì vậy trong hồ sơ vụ án không có bản tự khai, không có quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Thế A cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự; bị đơn đã không chấp hành các quy định về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Bùi Thế A. Về con chung: Giao con chung là Bùi Nhật B, sinh ngày 23/6/2010 và Bùi Trường C, sinh ngày 28/9/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét. Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Theo Đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu gửi kèm theo thể hiện anh Bùi Thế A có nơi cư trú tại: Số 8/14/125 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Thế A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Bùi Thế A vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, cho thấy anh A đã tự từ bỏ quyền cũng như nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Bởi vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Thế A.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 06/5/2010. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp.

[4] Quá trình vợ chồng chung sống theo chị T trình bày: Cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng về quan điểm, lối sống, mâu thuẫn trong cả cách nuôi dạy con chung, cách ứng xử với người thân trong gia đình. Ngoài ra một phần mâu thuẫn cũng do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ tình cảm, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A càng sớm càng tốt, tạo điều kiện cho chị sớm ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng và khó có khả năng khắc phục. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh A có mặt tại địa phương, biết việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án thông qua những lần nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh A đã không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết. Việc này thể hiện anh A thiếu thiện chí trong việc hòa giải, bỏ mặc tình trạng hôn nhân ngày càng xấu đi. Mặt khác qua xác minh tại địa phương cũng như gia đình hai bên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhau, mỗi người một nơi từ năm 2020 đến nay. Như vậy chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt

được, bởi vậy yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh A là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn và nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là Bùi Nhật B, sinh ngày 23/6/2010 và Bùi Trường C, sinh ngày 28/9/2018. Trong A hợp vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy kể từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm xét xử anh A đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhiều lần nhưng anh A không đến cũng như không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về vấn đề con chung. Qua xác minh thực tế thấy rằng từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, cháu Bùi Nhật B và và Bùi Trường C đều do chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung. Cháu Bùi Nhật B và và Bùi Trường C cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Bởi vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T là chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với qui định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét việc phân chia tài sản giữa hai bên.

[7] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Thế A.
- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Bùi Nhật B, sinh ngày 23/6/2010 và Bùi Trường C, sinh ngày 28/9/2018 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0005579 ngày 16 tháng 5 năm 2023. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Thế A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong A hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân (để thi hành);
- UBND phường An Biên, quận Lê Chân, HP (ngày ĐKKH 06/5/2010);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phong Lan